TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:17/2020/DS - PT.
Ngày 16 tháng 3 năm 2020
"V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và đòi bồi thường thiệt hại quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Huyền;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Tiến;

Ông Nguyễn Kim Ái.

- *Thư ký phiên tòa:*Bà Phùng Thị Phương Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh P.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa:*Bà Nguyễn Thị Long Hà - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 16 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 71/2019/TL - PT ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và đòi bồi thường thiệt hại quyền sử dụng đất". Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2019/DS - ST ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:99/2019/QĐXXPT - DS ngày 25 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Dương Văn G (tên gọi khác: Dương Ngọc G), sinh năm 1960;

Địa chỉ: Khu 5, xã H, huyện T, tỉnh P (có mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền của ông G: ông Hà Văn D, sinh năm 1995;Địa chỉ: Tầng 2, toà nhà N, 37 Nguyễn Sơn, phường N, Quận L, thành phố H (văn bản uỷ quyền ngày 03/01/2020) (có đơn xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Dương Văn G:

Luật sư:Phạm Ngọc M, Nguyễn Duy H, Nguyễn Thị Y,Trần Đình T- Thuộc Công ty Luật TNHH E**;** địa chỉ:Tầng 4, Tòa nhà T, 35 Lê Văn Lương, quận T, thành phố H (Luật sư M, H có mặt; Luật sư Y, T có đơn xét xử vắng mặt).

B*ị đơn*: Uỷ ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Nguyên T- Chủ tịch UBND xã H, huyện T, tỉnh P(có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1.Chị Dương Thị H, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện L, tỉnh H;

Người đại diện theo uỷ quyền của chị H: Ông Dương Văn G (có mặt)

2.Người đại diện theo pháp luật của khu dân cư số 5, xã H - do ông Nguyễn Văn Đ - Trưởng khu (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Bà Lưu Thị Kim L, sinh năm 1966.

Địa chỉ : Khu 5, xã H, huyện T, tỉnh P(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Dương Văn G và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 15/3/1989 cụ Dương Ngọc K(tức K, đã mất năm 2010) là bố của ông nhận chuyển nhượng thửa đất có diện tích 360 m^2, tại khu 5, xã H, huyện T từ cụ Hà Quốc S. Việc chuyển nhượng đã lập thành biên bản giao đất có chứng nhận của UBND xã H. Nguồn gốc của thửa đất nêu trên là do cụ Hà Quốc S khai hoang từ khoảng những năm 1960 và sinh sống từ đó cho tới ngày 15/3/1989. Trong quá trình sử dụng gia đình ông đã đóng thuế đầy đủ gồm các giấy tờ: Phiếu thu ngày 24/3/1989 do cụ K đóng với số tiền 120.000đ.

Khoảng năm 1992, (ông không nhớ chính xác ngày, tháng) bố ông là cụ K đã tặng cho ông. Từ đó, ông đã sử dụng đất ổn định và nộp thuế đầy đủ: Phiếu thu số 53 ngày 11/6/1993 ông đóng với số tiền 18.370 đồng; biên lai thuế nhà đất ngày 14/6/1993 ông đóng với số tiền 6.600 đồng.

Năm 1991, ông có thoả thuận với ông Phùng Quốc B về việc chuyển nhượng thửa đất 173 m^2 (khu 5, xã H), nay chính là nhà ông đang ở. Sau khi thoả thuận với ông Bình về việc nhận thửa đất 173 m^2 nêu trên, ông có đến UBND xã H để gặp ông Nguyễn Văn P - Cán bộ địa chính hỏi thủ tục. Ông Phướng dẫn ông: Phải viết đơn xin trả lại đất (thửa đất 360m^2 bị thu hồi). Ông có thắc mắc thì ông P nói: Chỉ để đơn giản thủ tục và đỡ phải đóng thuế, thửa đất cũ 360m^2 ông có thể tiếp tục sử dụng bình thường.

Vì không hiểu rõ quy định của pháp luật và tin vào ông P, ông viết vài chữ chung chung vào các giấy ghi là đơn đề nghị xin chuyển đổi thổ cư đề ngày 06/10/1991, nội dung "xin chuyển đổi đất thổ cư về khu đất gia đình cô Phát để được tiện việc buôn bán giao lưu" và đơn xin trả lại đất thổ cư đề ngày 08/11/1991 và gửi cho ông Phi.

Ngày 11/11/1991, UBND xã H lập "Biên bản giao đất" có nội dung: Giao đất cho ông G…tổng diện tích 173 m^2 có chữ ký của ông P, ông M và ông N - cán bộ địa chính xã, ông B - chủ hộ trả đất và ông (G) chủ hộ nhận đất. Biên bản có đóng dấu của UBND xã H.

Ngoài biên bản giao đất ngày 11/11/1991 này, ông P còn lập thêm "Biên bản giải quyết việc chuyển nhượng đất đai" trong đó có nội dung "hôm nay ngày 11/11/1991, tại UBND xã (không ghi rõ xã gì)…", căn cứ vào NQ UBND xã (không ghi rõ xã gì) họp ngày 07/11/1991…thu hồi lại diện tích đất vườn của ông Gcũ, cạnh thổ cư cụ Soạn, diện tích 1,04 sào…". Trong "biên bản giải quyết việc chuyển nhượng đất đai" còn có thêm tên của ông M - cán bộ quản lý ruộng đất địa chính xã, ông B chủ hộ trả đất và ông (G) chủ hộ nhận đất. Biên bản giải quyết việc chuyển nhượng đất đai không có dấu của UBND xã, chỉ có chữ ký của ông, ông B và một chữ ký (không rõ tên) ghi là "thay mặt UBND xã (không rõ xã gì).

Ngay trong ngày 11/11/1991, ông đã ra UBND xã H nộp tiền lệ phí thổ cư đối với việc chuyển nhượng thửa đất 173m^2, số tiền nộp là 800.000đ (phiếu thu số 56 ngày 11/11/1991 của UBND xã H).

Năm 1994 (ông không nhớ chính xác ngày), ông có thoả thuận bán thửa đất có diện tích 360m^2 tại khu 5, xã H cho bà T (không nhớ rõ họ tên). Tuy nhiên do nhiều lý do hai bên không thống nhất được giá mua, bán nên ông và bà T không thực hiện việc mua, bán diện tích nêu trên nữa. Vụ việc sau đó được hoà giải tại UBND xã H.

Ngày 17/11/1994 UBND xã H đã mời ông và bà T đến làm việc, yêu cầu ông trả tiền cho bà Thọ (phiếu thu ngày 07/11/1994 với nội dung: Thu tiền bán nhà trả cho người mua số tiền 2.360.000đ, nộp phạt bồi thường công việc làm cho UBND xã H (phiếu thu ngày 07/11/1994 với nội dung: Nộp tiền hành chính + bồi thường công việc).

Sau gần 10 năm sử dụng đất ổn định và đóng thuế đầy đủ từ năm 1992 đến năm 2010, ngày 03/11/2000 UBND xã H ra Thông báo số 13/TB - UB về việc thu hồi 360m^2 đất ghi để xây dựng công trình nhà trụ sở - mẫu giáo khu hành chính số 5, xã H, trong đó căn cứ vào các văn bản: Luật tổ chức HĐND và UBND các cấp quy định về chức năng, quyền hạn của UBND cấp xã; Đề án phát triển kinh tế - xã hội 93-2000 của Đảng bộ xã H; Nghị quyết HĐND xã H; Nghị quyết UBND xã về việc xây dựng nhà mẫu giáo cộng trụ sở hành chính số 5; Biên bản UBND xã giải quyết việc chuyển đổi đất và thu hồi đất của ông Dương Văn G ngày 11/11/1991, diện tích đất trên sẽ được dành xây dựng nhà mẫu giáo và trụ sở họp dân khu hành chính số 5.

Ông cho rằng: UBND xã H trực tiếp là ông Đào Quang T - Chủ tịch UBND xã ký Thông báo thu hồi đất của gia đình ông là cố tình làm trái các quy định về quản lý đất đai, trái thẩm quyền, vi phạm pháp luật đất đai dẫn đến thiệt hại đối với ông nói riêng và gia đình ông nói chung bởi các lý do:

Thứ nhất: UBND xã H không phải là cơ quan có thẩm quyền quyết định việc giao đất, thu hồi đất của cá nhân, tổ chức theo Luật đất đai.

Thứ hai: Vào thời điểm tháng 11/1991, ông không phải là người có đất để có thể trả lại đất theo "Đơn xin trả lại đất" vào ngày 08/11/1991 vì lý do: Tại thời điểm có đơn xin trả lại đất, người đứng chủ sử dụng diện tích đất 360m^2 là ông Dương Ngọc K chứ không phải ông. Vào năm 1992 (trước ngày 11/6/1993, ông không nhớ chính xác), cụ K mới tặng thửa đất cho ông và ông bắt đầu sử dụng ổn định, nộp thuế đối với diện tích đất nêu trên.Như vậy, tại thời điểm có "Đơn xin trả lại đất", ông không phải là người có quyền sử dụng đất, để trả lại đất. Đơn xin trả lại đất ông ký không có giá trị pháp lý.

Hơn nữa, vào ngày 07/11/1994, UBND xã H tổ chức hoà giải và yêu cầu ông nộp phạt bồi thường công việc làm cho UBND xã H L quan đến việc giữa ông và bà Thọ có thoả thuận mua, bán thửa đất có diện tích 360 m^2, sau đó không thực hiện việc mua bán. Như vậy, việc yêu cầu ông nộp phạt bồi thường công làm việc cho UBND xã H là chứng cứ quan trọng thể hiện UBND xã H công nhận ông đang là chủ sử dụng của thửa đất có diện tích 360m^2 tại khu 5, xã H. Như vậy, ngày 03/11/2000 UBND xã H ra Thông báo số 13/TB - UB về việc thu hồi 360 m^2 đất căn cứ vào biên bản UBND xã giải quyết việc chuyển đổi đất và thu hồi đất của ông ngày 11/11/1991 là trái quy định của pháp luật.

Thứ ba: UBND xã H ký Thông báo số 13/TB - UB ngày 03/11/2000 để thu hồi đất của gia đình ông mà không có bồi thường, hỗ trợ là đã xâm phạm nghiêm trọng tới quyền sở hữu hợp pháp của gia đình ông.

Từ những trình bày trên ông đề nghị Toà án:

1.Buộc UBND xã H, huyện T trả lại thửa đất có diện tích 360m^2, tại khu 5, xã H theo biên bản giao đất cho bố ông (tức Dương Ngọc K) ngày 15/3/1989, đã được chuyển giao cho là ông (Dương Văn G) do thu hồi, chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật.

2. Bồi thường thiệt hại cho ông do không được sử dụng đất năm 2000 đến nay là 19 năm, mức bồi thường là 10.000.000đ/năm, tương đương với tổng chi phí bồi thường là 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng).

3. Ngày 04/9/2019 ông Dương Văn G có đơn khởi kiện bổ sung: Yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BH 601064 do UBND tỉnh P cấp ngày 28/3/2013, đồng thời chuyển vụ án để Toà án nhân dân tỉnh P thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 30/8/2019, những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông G có văn bản kiến nghị: Đưa bà Lưu Thị Kim L (vợ ông G), chị Dương Thị Ngọc L, Dương Thị Thanh T, Dương Thị L và anh Dương Ngọc V (là các con của ông G); UBND huyện T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan trong vụ án, đồng thời chuyển vụ án để Toà án nhân dân tỉnh thụ lý giải quyết.

Bị đơn là UBND xã H: Người đại diện theo pháp luật và ông Nguyễn Tiến L - là người đại diện theo uỷ quyền của Chủ tịch UBND xã H trình bày: Năm 1989 cụ Dương Ngọc K (là bố đẻ ông G) có nhận chuyển nhượng của cụ Hà Quốc S 01 thửa đất vườn diện tích 01 sào 04 thước và giao cho ông G xây dựng nhà. Ngày 06/10/1991 ông G tự tay viết đơn gửi UBND xã H về việc xin chuyển đổi diện tích thửa đất trên ra vị trí một phần diện tích đất vườn của gia đình ông Phùng Quốc B(đổi từ đất xóm ra mặt đường Quốc lộ 32A để phục vụ kinh doanh buôn bán như hiện nay). Ngày 08/11/1991 ông Gtự tay viết đơn xin trả lại thửa đất đang sử dụng. Đơn của ông Gđã được ông Phan Ngọc Tấn là Chủ tịch UBND xã phê duyệt đồng ý giao cho ban Địa chính xã giải quyết thực hiện. Căn cứ vào hai đơn của ông Gnêu trên, ngày 11/11/1991 UBND xã H đồng ý đề nghị của ông Gvà cho phép chuyển đổi thửa đất vườn mà ông Gnhận chuyển nhượng của ông Bình sang đất ở (diện tích 173m^2) và đã thực hiện giao đất tại thực địa cho ông Glàm nhà ở như hiện nay. Tại biên bản làm việc ngày 11/11/1991 giữa UBND xã với ông Bình, ông Gở mục 3 đã ghi: Thu hồi lại diện tích đất vườn ông Gcũ cạnh thổ cư ông Soạn (diện tích 01 sào 04 thước), thời hạn đến hết ngày 30/12/1991 ông Gphải thực hiện thu dọn cây cối, hoa màu, tài sản để trả lại đất cho địa phương (ông G, ông Bình, ông Tấn - Chủ tịch UBND xã H đã ký biên bản). Cùng ngày 11/11/1991 UBND xã đã có biên bản giao đất tại thực địa cho ông G(ông Bình chủ hộ trả đất, ông Gchủ hộ nhận đất đã ký biên bản cùng UBND xã).

Ngày 02/8/1999, ông G đã được UBND huyện T (nay là huyện T) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 173m^2 như số liệu giao thực địa ngày 11/11/1991, thửa đất cũ ông G đã bàn giao cho UBND xã. Cùng thời điểm trên khu dân cư số 5 đề nghị UBND xã cấp đất để xây dựng nhà trẻ mẫu giáo và nơi hội họp của khu dân cư. UBND xã đã họp nhất trí và đã giao thửa đất này ngày 08/12/1991

cho khu dân cư số 5 quản lý san gạt mặt bằng xây dựng theo kế hoạch. Thời điểm này ông G đã chuyển ra sinh sống tại vị trí thửa đất mới nhận từ hộ ông B. Do chưa có kinh phí nên UBND xã và khu dân cư chưa xây dựng được, cán bộ khu 5 chưa tích cực đôn đốc nên hộ ông G chưa tự giác thu dọn cây cối, hoa màu trên đất để trả lại mặt bằng. Đến năm 2000 UBND xã và khu dân cư đã vận động được kinh phí để xây dựng. Do còn một số cây cối, hoa màu của ông G trên thửa đất nên UBND xã đã ban hành Thông báo số 13/TB - UB ngày 03/11/2000 có nội dung yêu cầu ông G thu dọn cây cối, hoa màu trên đất để bàn giao cho khu dân cư. Ông G đã chấp hành giải phóng và bàn giao mặt bằng. UBND xã đã chỉ đạo khu dân cư thi công công trình nhà văn hoá của khu và sử dụng ổn định từ đó đến nay. Như vậy, Thông báo số 13 trên không phải là văn bản thu hồi đất mà nội dung thông báo để ông G thu dọn cây cối, hoa màu. Việc UBND xã H thu hồi chuyển đổi vị trí thửa đất của ông Gl à đúng theo nguyện vọng của ông G. Thửa đất khu dân cư số 5, xã H đang quản lý, sử dụng ổn định, đúng mục đích, không có tranh chấp. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông G đối với UBND xã H là không có cơ sở pháp lý, UBND xã H không chấp nhận, đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện khu dân cư số 5, xã H trình bày: Ngày 08/12/1991 UBND xã H tổ chức giao đất cho khu dân cư số 5 để xây dựng trụ sở nhà Văn hoá và lớp nhà trẻ Mẫu giáo của trường Mầm non với tổng diện tích 01 sào 04 thước. Vị trí thửa đất tại khu đất thổ cư cũ của ông Dương Ngọc G trả ra theo biên bản ngày 11/11/1991 với UBND xã H để khu dân cư số 5 có trách nhiệm quản lý, san gạt mặt bằng và xây dựng nhà trụ sở, nhà trẻ mẫu giáo. Trực tiếp giao đất do ông Phan Ngọc T - Chủ tịch UBND xã, ông Nguyễn Văn P, ông Hoàng Văn M - Cán bộ địa chính, đại diện khu dân cư số 5 ông Bùi Đức Hạnh - Bí thư chi bộ và bà Bùi Thị Tính - Đội trưởng sản xuất.

Ngày 30/6/2004 UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để xây dựng nhà Văn hoá khu dân cư, tại thửa đất số 186, tờ bản đồ số 01, diện tích 528 m^2, nguồn gốc thửa đất do Nhà nước cấp.

Ngày 28/3/2013 được UBND tỉnh P cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 01, tờ bản đồ 05/2012/TĐĐC - TC, địa chỉ: khu 5, xã H, diện tích 479,3m^2, hình thức sử dụng riêng, mục đích sử dụng: đất cơ sở văn hoá, thời hạn sử dụng đất lâu dài, nguồn gốc sử dụng: công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất. Kể từ ngày 08/12/1991 đến nay khu dân cư số 5, xã H quản lý, sử dụng thửa đất trên đúng mục đích, không có tranh chấp.

Việc đầu tư xây dựng nhà văn hoá: Năm 2001 cùng với nguồn hỗ trợ của UBND xã H và nguồn huy động đóng góp của nhân dân trong khu dân cư, khu dân cư số 5 đã tiến hành xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4, 03 gian lợp ngói đỏ để phục vụ việc sinh hoạt của cộng đồng khu dân cư, đồng thời phục vụ lớp mầm non cho các khu dân cư liền kề.

Năm 2008 do số hộ trong khu dân cư đông, nhà văn hoá chật hẹp, nhu cầu sử dụng lớn, Chi bộ Đảng cùng nhân dân trong khu dân cư đã tiến hành họp bàn để nâng cấp mở rộng nhà văn hoá từ 03 gian lên 04 gian và lợp tôn, đóng trần, sơn nhà, lát sân, làm sân thể thao, xây cổng tường rào, các thiết chế nhà văn hoá để phục vụ nhân

dân khu dân cư hội họp. Nguồn vốn do nhân dân trong khu dân cư vận động đóng góp 100%.

Từ năm 2009 đến nay bằng việc xã hội hoá Chi bộ Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể trong khu dân cư tiếp tục ủng hộ vật tư, tiền, ngày công lao động để tiếp tục nâng cấp đầu tư các hạng mục trong khuôn viên nhà văn hoá góp phần hoàn thiện các tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới. Do vậy, việc ông Dương Văn G khởi kiện yêu cầu UBND xã H trả lại quyền sử dụng đất đã xây dựng nhà văn hoá khu 5 là không có căn cứ, nhân dân không đồng tình.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2019/DS - ST ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Căn cứ Điều 227; khoản 1 - Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 186, Điều 190, Điều 192, Điều 193, Điều 194, Điều 239 của Bộ luật dân sự; Điều 65, Điều 82, Điều 100, Điều 105 Luật đất đai; khoản 3, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Bác đơn khởi kiện của ông Dương Văn G (tên gọi khác: Dương Ngọc G) đối với UBND xã H, huyện T về các nội dung sau:

- Yêu cầu UBND xã H, huyện T trả lại quyền sử dụng đất diện tích 360m^2 (tại khu 5, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ);

-Yêu cầu UBND xã H, huyện T bồi thường số tiền 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng);

Bác yêu cầu của ông Dương Văn G (tên gọi khác: Dương Ngọc G) về việc: Yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 601064 do UBND tỉnh P cấp ngày 28/3/2013.

Bản án còn tuyên về án phí và các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo: Ngày 25/9/2019, ông Dương Văn G kháng cáo với nội dung: Tuyên hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm của TAND huyện T vì những lý do:

Thứ nhất: Đưa những người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan vào tham gia vụ án gồm bà Lưu Thị Kim L, chị Dương Thị Ngọc L, chị Dương Thị Thanh T, chị Dương Thị L, anh Dương Ngọc V, UBND huyện T, UBND tỉnh P.

Thứ hai: Buộc UBND xã H trả lại thửa đất số: 360m^2 mà UBND xã H đã thu hồi hoặc phải bồi thường giá trị thửa đất theo quy định pháp luật và bồi thường thiệt hại cho người sử dụng đất, do người sử dụng đất đã không sử dụng đất trong suốt 19 năm (từ năm 2000 – 2019).

Thứ ba: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: BH 601064 do UBND tỉnh P cấp ngày 28/3/2013.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Dương Văn G vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Bà Lưu Thị Kim L (là vợ ông G) với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ L quan trình bày: Bà kết hôn với ông G năm 1985, đến năm 1989 cụ K nhận chuyển nhượng đất của cụ Soạn 360m^2 đất không có nhà, không có cây cối. Bà đã cùng ông G là chồng xây dựng 3 gian nhà lợp lá, 2 gian bếp, 01 chuồng lợn. Sau đó UBND xã đã yêu cầu tháo dỡ, dọn cây cối. Thời điểm đó các con còn nhỏ (lớn sinh 1986, nhỏ

sinh năm 1992). Bà đề nghị đưa bà và các con tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Năm 1989 cụ K mua của cụ S, sau này ông G và bà L sử dụng; khi giao đất là hộ gia đình theo pháp luật đất đai trước năm 1993, không có tranh chấp, ổn định thì được giao đất. Hộ gia đình ông G úc đó có anh chị em của ông G, bà L và các con của ông G bà L, hộ gia đình khoảng hơn chục người. Khi viết giấy trả lại đất chỉ có mình ông G viết chỉ thể hiện ý trí của ông G.

Thẩm quyền giao đất thuộc UBND cấp huyện không phải UBND cấp xã.

Thông báo số:13/TB - UB ngày 03/11/2000 chỉ là thông báo không phải là Quyết định thu hồi đất.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm: Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2019/DS - ST ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu quan điểm: Về chấp hành tố tụng Hội đồng xét xử và tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông G về bổ sung thêm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; không chấp nhận nội dung kháng cáo về nội dung tranh chấp; căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 05/2019/DS - ST ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, về đưa thêm người tham gia tố tụng, giữ nguyên phần Bản án sơ thẩm về giải quyết nội dung tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của VKSND tỉnh; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Dương Văn G, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Lưu Thị Kim L, chị Dương Thị Ngọc L - sinh năm 1986, chị Dương Thị Thanh T - sinh năm 1988, chị Dương Thị L- sinh năm 1990, anh Dương Ngọc V - sinh năm 1992, UBND huyện T, UBND tỉnh P tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 thì tại Điều 14 quy định "Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ hoặc chồng tạo ra, thu nhập về nghề nghiệp và những thu nhập hợp pháp khác của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được cho chung", nhưng trong trường hợp này cụ K chỉ cho ông G, việc tặng cho Quyền sử dụng đất không thể hiện bằng văn bản nhưng điều đó được chính ông G và các đồng thừa kế thừa nhận cụ K chỉ cho ông G chứ không cho vợ và con ông G hay bất kỳ ai **(**Thể hiện tại 2 biên bản họp gia đình vào ngày 19/3/2018 và ngày 24/12/2018 (BL 24 đến 27). Đối với bà L có công sức trong việc tạo dựng 03 gian nhà lợp lá, 2 gian bếp và 01 chuồng lợn. Như vậy, việc trả lại Quyền sử dụng đất năm 1991 có liên quan đến quyền lợi của vợ, con ông G. Xét thấy tại thời điểm chuyển đổi Quyền sử dụng đất các con ông G còn nhỏ, không có công

sức đóng góp gì đối với tài sản chung của gia đình, do vậy không cần đưa các con ông G vào tham gia tố tụng là phù hợp. Đối với bà L đã cùng ông G xây dựng các tài sản trên đất mà ông G đã tự nguyện trả lại cho UBND xã**,** trong quá trình chuyển nhượng, đổi đất tài sản trên đất không còn, ông bà tự đã tháo dỡ các tài sản trên đất. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà L (vợ ông G) tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là thiếu sót. Tại phiên tòa phúc thẩm bà L đã được trình bày quan điểm. Nhưng việc cấp sơ thẩm không đưa bà L tham gia tố tụng cũng không làm thay đổi bản chất của vụ án. Việc vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm, xét thấy không cần thiết phải hủy án để giải quyết lại.

Đối với yêu cầu của ông G về việc đưa UBND huyện T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Xét thấy, tại Giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu Nhà nước (tại các cơ quan hành chính sự nghiệp) số 026761 do Chủ tịch UBND huyện T cấp ngày 30/6/2004 cho nhà văn hoá khu 5, xã H. Đây là giấy do ngành Tài chính triển khai thực hiện theo Nghị định của Chính phủ để nhằm kê khai tài sản trên đất và đất thuộc quản lý của Nhà nước, chứ không phải là chứng thư pháp lý về quyền sử dụng đất. Việc cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất này không thuộc thẩm quyền cấp của UBND huyện T. Do đó, không đưa UBND huyện T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

Đối với yêu cầu của ông G về việc đưa UBND tỉnh P tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là đúng với quy định của luật đất đai. Đồng thời yêu cầu khởi kiện của ông G không có căn cứ, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm không đưa UBND tỉnh P tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có cơ sở.

[2].Về nội dung kháng cáo buộc UBND xã H trả lại quyền sử dụng đất với diện tích 360m^2 tại khu 5, xã H, huyện T, tỉnh P và bồi thường, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguồn gốc quyền sử dụng đất diện tích 360m^2 thuộc khu 5 xã H, có nguồn gốc của cụ Dương Ngọc K (tức Dương Ngọc K) bố đẻ ông G. Theo lời khai của ông G không nhớ thời điểm cụ K cho nhà và quyền sử dụng đất, đồng thời những người nội tộc, thuộc diện thừa kế của cụ K xác định khoảng từ năm 1991 - 1993, cụ K cho ông G quản lý, sử dụng nhà và quyền sử dụng đất, ông G đã nộp thuế, lệ phí trước 15/10/1993.Tài liệu có trong hồ sơ còn thể hiện ông G và ông Phùng Công B có thỏa thuận chuyển đổi quyền sử dụng đất. Ngày 06/10/1991 ông G có đơn xin chuyển đổi đất thổ cư. Ngày 08/11/1991 ông G có đơn xin trả lại đất thổ cư 360m^2 (đơn có sự đồng ý của UBND xã H, do ông Phùng Ngọc T - Chủ tịch UBND xã xác nhận). Ngày 11/11/1991 UBND xã H tiến hành chuyển đổi quyền sử dụng đất giữa ông G và ông B với diện tích 173m^2 (BL 11). Ông Gl à người nộp lệ phí chuyển đổi là 800.000đ. Trên thực tế hai bên chuyển đổi quyền sử dụng đất 173m^2, xong ông G viết đơn xin trả lại đất thổ cư 360m^2 cho UBND xã, ông G thống nhất đến ngày 30/12/1991 thu dọn tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất để UBND xã làm nhà văn hóa khu dân cư khu 5. Việc ông G tự nguyện chuyển đổi và trả lại quyền sử dụng đất là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Mặt khác năm 1994 ông G thỏa thuận chuyển

nhượng quyền sử dụng đất cho bà T 300m^2 giá 2.360.000đ, việc chuyển nhượng không đúng quy định đã bị UBND xã xử phạt hành chính 90.000đ và buộc thanh toán trả lại cho bà T tiền chuyển nhượng 2.360.000đ (Hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Việc ông G xác định từ năm 1992 đến năm 2010 ông vẫn sử dụng ổn định và đóng thuế đầy đủ, tuy nhiên ông G chỉ cung cấp được hai biên lai thu ngày 14/6/1993. Đây là tiền thu khi ông G vẫn đang sản xuất canh tác trên đất giao cho khu dân cư số 5, xã H khi khu chưa có kinh phí xây dựng vẫn để cho ông G tạm thời sản xuất, canh tác, chứ không phải ông G có quyền đối với diện tích đất này. Mặt khác, ông G thừa nhận năm 2001 khu dân cư tiến hành xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng, đồng thời phục vụ lớp mầm non thì bản thân ông G vẫn đóng góp theo quy định và khi sửa chữa, nâng cấp nhà văn hoá ông G tiếp tục đóng góp. Điều đó càng thể hiện ông G đã thừa nhận chủ quyền về quyền sử dụng đất này ông không còn nữa mà đã được giao cho khu dân cư phục vụ lợi ích cộng đồng, trong đó có gia đình ông.

Từ những căn cứ trên, xác định việc ông G yêu cầu UBND xã H trả lại quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại là không có cơ sở chấp nhận.

[3]. Xét yêu cầu kháng cáo của ông G đề nghị Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BH 601064 do UBND tỉnh P cấp ngày 28/3/2013. Hội đồng xét xử xét thấy: Chính thửa đất mà ông G đã tự nguyện trả đã được bàn giao cho khu dân cư ngày 08/12/1991, sau đó đã được Chủ tịch UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu Nhà nước (tại các cơ quan hành chính sự nghiệp) số 02676 ngày 30/6/2004 cho nhà văn hoá khu 5, xã H. Đây là giấy do ngành Tài chính triển khai thực hiện theo Nghị định của Chính phủ để nhằm kê khai tài sản trên đất và đất thuộc quản lý của Nhà nước, chứ không phải là chứng thư pháp lý về quyền sử dụng đất.

Ngày 28/3/2013 được UBND tỉnh P ấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 601064 tại thửa đất số 01, tờ bản đồ 05/2012/TĐĐC - TC, địa chỉ: khu 5, xã H; hình thức sử dụng: riêng; mục đích sử dụng: đất cơ sở văn hoá, thời hạn sử dụng đất lâu dài; nguồn gốc sử dụng: công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất.

Việc ông G tự nguyện trả lại đất và chuyển đổi đất sang chỗ khác để phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội thời gian đó là đúng với ý chí, mục đích, nguyện vọng của ông G không bị ai ép buộc, lừa dối, không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ai. Quyền tự định đoạt của ông G không trái đạo đức xã hội và pháp luật đã được tôn trọng, quyền lợi của ông G vẫn được đảm bảo và gia đình ông G đã ở ổn định trên đất chuyển đổi cho ông B phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội thời kỳ đó. Hơn nữa, diện tích thực tế thửa đất ông G đòi quyền sử dụng đất có diện tích là 478,9m^2 đã được xây dựng tường rào bao quanh thành khuân viên ổn định.

Do vậy, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là đúng thẩm quyền, phù hợp với các quy định của luật đất đai nói riêng, pháp luật nói chung, không xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông G. Khu dân cư số 5, xã H quản lý, sử dụng thửa đất trên đúng mục đích, không có tranh chấp. Vì vậy, yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với

đất số BH 601064 do UBND tỉnh P cấp ngày 28/3/2013 là không có căn cứ nên không được chấp nhận là phù hợp.

[4].Từ những căn cứ trên, kháng cáo của ông Dương Văn G (tên gọi khác: Dương Ngọc G) về việc đưa bà Lưu Thị Kim L tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ. Các nội dung kháng cáo về đòi lại quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại; huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đưa UBND huyện T; UBND tỉnh P và những người khác tham gia tố tụng là không có cơ sở chấp nhận.

[5].Về án phí: Đối với yêu cầu của ông G đòi quyền sử dụng đất, Tòa án xem xét quyền sử dụng đất thuộc của ai, do vậy căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu đòi quyền sử dụng đất, nhưng phải chịu án phí về yêu cầu đòi bồi thường không được Tòa án chấp nhận là (190.000.000đ x 5%) = 9.500.000đ (Chín triệu, năm trăm nghìn đồng).

Kháng cáo của ông Dương Văn G được chấp nhận một phần, ông Dương Văn G không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ Luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Dương Văn G (tức Dương Ngọc G) về việc đưa bà Lưu Thị Kim L tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Không chấp nhận kháng cáo của ông G về việc yêu cầu UBND xã H trả lại Quyền sử dụng đất và bồi thường; hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất; yêu cầu đưa UBND huyện T; UBND tỉnh P và những người khác tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 05/2019/TLST -DS ngày 17/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P về tư cách người tham gia tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm. Giữ nguyên các Quyết định của Bản án sơ thẩm số 05/2019/TLST -DS ngày 17/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P.

Áp dụng Điều 227; khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 186, Điều 190, Điều 192, Điều 193, Điều 194, Điều 239 của Bộ luật dân sự; Điều 65, Điều 82, Điều 100, Điều 105 Luật đất đai; khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Bác đơn khởi kiện của ông Dương Văn G (tên gọi khác: Dương Ngọc G) đối với UBND xã H, huyện T về các nội dung sau:

Yêu cầu UBND xã H, huyện T trả lại quyền sử dụng đất diện tích 360m^2 (tại khu 5, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ);

Yêu cầu UBND xã H, huyện T bồi thường số tiền 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng);

Bác yêu cầu của ông Dương Văn G (tên gọi khác: Dương Ngọc G) về việc: Yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 601064 do UBND tỉnh P cấp ngày 28/3/2013.

3.Về án phí:

Án phí Dân sự sơ thẩm: Ông Dương Văn G (tức Dương Ngọc G) không phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

Án phí Dân sự sơ thẩm: Ông G phải chịu 9.500.000đ (Chín triệu, năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Xác nhận ông G đã nộp 4.550.000đ (Bốn triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0003558 ngày 08/3/2019 tại Chi cục thi hành án huyện T và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm dân sự theo biên lai thu số 0003718 ngày 26/9/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh P.

Ông Dương Văn G còn phải nộp 4.650.000đ (Bốn triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự theo quy định.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh P;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TDS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu Huyền

TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../2020/QĐ-SCBSBA	*Phú Thọ, ngày 24 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN PHÚC THẨM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do nhầm lẫn về số liệu trong Bản án số: 17/2020/DS-PT ngày 16 tháng 3 năm2020 của Toà án nhân dân tỉnh Pđã xét xử phúc thẩm vụ án dân sự về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và đòi bồi thường thiệt hại quyền sử dụng đất" giữa:

Nguyên đơn: Ông Dương Văn G (tên gọi khác: Dương Ngọc G), sinh năm 1960; địa chỉ: Khu 5, xã H, huyện T, tỉnh P.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông G: Ông Hà Văn D, sinh năm 1995; địa chỉ: Tầng 2, toà nhà N, 37 Nguyễn Sơn, phường N, quận L, thành phố H (Văn bản uỷ quyền ngày 03/01/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Dương Văn G:

Luật sư: Phạm Ngọc M, Nguyễn Duy H, Nguyễn Thị Y,Trần Đình T- Thuộc Công ty Luật TNHH E; địa chỉ:Tầng 4, Tòa nhà T, 35 Lê Văn L, quận T, thành phố H.

Bị đơn: Uỷ ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh P. *Đại diện theo pháp luật*: Ông Phan Nguyên T- Chủ tịch UBND xã H, huyện T, tỉnh P.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1.Chị Dương Thị H, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện L, tỉnh H.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị H: Ông Dương Văn G.

2. Người đại diện theo pháp luật của khu dân cư số 5, xã H - Do ông Nguyễn Văn Đ - Trưởng khu.

3. Bà Lưu Thị Kim L, sinh năm 1966; địa chỉ : Khu 5, xã H, huyện T, tỉnh P.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án phúc thẩm số: 17/2020/DS-PT ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh P như sau:

Tại dòng thứ 27 và 28 từ trên xuống, trang 10 của bản án nêu trên đã ghi: "...Ông G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu đòi quyền sử dụng đất".

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: "…Ông Giáp phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án không có giá ngạch"

Tại dòng thứ 19 và 20 từ trên xuống, trang 11 của bản án nêu trên đã ghi: "Án phí Dân sự sơ thẩm: Ông G phải chịu 9.500.000đ (Chín triệu, năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm".

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: "Án phí Dân sự sơ thẩm: Ông G phải chịu 9.500.000đ (Chín triệu, năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án không có giá ngạch".

Tại dòng thứ 26 và 27 từ trên xuống, trang 11 của bản án nêu trên đã ghi: "Ông Dương Văn G còn phải nộp 4.650.000đ (Bốn triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự theo quy định".

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: "Ông Dương Văn G còn phải nộp 4.950.000đ (Bốn triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự theo quy định".

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND T. P;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thu Huyền